

CHÍNH PHỦ
Số: 30-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH

**của Chính phủ số 30-CP ngày 2-6-1993 về tổ chức, nhiệm vụ,
quyền hạn của các cơ quan quản lý công tác thi hành án dân sự,
cơ quan thi hành án dân sự và chấp hành viên**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 21 tháng 4 năm 1993;

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng,
Trưởng ban Ban tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 1. - Các cơ quan quản lý công tác Thi hành án dân sự nói tại Khoản 1 Điều 17 của Pháp lệnh thi hành án dân sự bao gồm:

- Cục Quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp;
- Phòng quản lý Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng;
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 2. - Cục Quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý Nhà nước về công tác Thi hành án dân sự và tổ chức việc thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước theo quy

định tại Điều 10 của Pháp lệnh thi hành án dân sự:

- a) Chuẩn bị các dự án văn bản về quản lý công tác Thi hành án dân sự, về quy chế chấp hành viên, chế độ, chính sách đối với chấp hành viên, cán bộ làm công tác Thi hành án dân sự;
- b) Trình Bộ trưởng quyết định việc thành lập, giải thể các cơ quan Thi hành án dân sự;
- c) Chỉ đạo, kiểm tra công tác quản lý thi hành án dân sự ở các địa phương, tổng kết công tác quản lý thi hành án dân sự.

2. Quản lý nghiệp vụ công tác Thi hành án dân sự:

- a) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ công tác Thi hành án dân sự;
- b) Bồi dưỡng nghiệp vụ cho chấp hành viên và cán bộ làm công tác thi hành án dân sự;
- c) Kiểm tra hoạt động của các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương;
- d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của chấp hành viên, thủ trưởng cơ quan Thi hành án, giải quyết khiếu nại các quyết định về Thi hành án của trưởng phòng Thi hành án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 44 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Điều 3. - Phòng quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý Nhà nước về công tác Thi hành quyết định về tài sản trong bản án hình sự của Tòa án quân sự theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự:
 - a) Chuẩn bị các dự án văn bản về quản lý công tác Thi hành quyết định về tài sản trong bản án hình sự của Tòa án quân sự, về chế độ, chính sách đối với chấp hành viên, cán bộ làm công tác thi hành án trong quân đội;
 - b) Trình Bộ trưởng Bộ quốc phòng việc thành lập, giải thể các phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương;
 - c) Tổng kết công tác quản lý Thi hành án trong quân đội.

2. Phối hợp với Cục quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp quản lý nghiệp vụ công tác thi hành quyết định về tài sản trong bản án hình sự của toà án quân sự:

- a) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ công tác Thi hành án;
- b) Bồi dưỡng nghiệp vụ cho chấp hành viên và cán bộ làm công tác thi hành án;
- c) Kiểm tra hoạt động của các Phòng thi hành án quân khu và cấp tương đương;
- d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của chấp hành viên, trưởng phòng Thi hành án, giải quyết khiếu nại các quyết định về thi hành án của trưởng phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương.

Tổ chức, biên chế, kinh phí, trụ sở làm việc, phương tiện hoạt động của Phòng Quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 4. - Các cơ quan Tư pháp địa phương giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp và cơ quan tư pháp cấp trên trong việc quản lý Nhà nước về công tác thi hành án dân sự ở địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự và chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Tư pháp cấp trên về tình hình quản lý công tác thi hành án và tổ chức việc Thi hành án dân sự.

Điều 5. - Sở Tư pháp giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc Thi hành án ở địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự; Giúp Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác Thi hành án của Đội Thi hành án thuộc Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; bồi dưỡng nghiệp vụ cho chấp hành viên và cán bộ làm công tác Thi hành án.

Điều 6. - Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp và Sở Tư pháp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc Thi hành án ở địa phương theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Chương II

CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 7. - Các cơ quan Thi hành án dân sự nói tại khoản 2, Điều 17 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự bao gồm:

1. Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương;

2. Đội Thi hành án thuộc Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Trưởng phòng Thi hành án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là chấp hành viên trưởng, đồng thời là thủ trưởng cơ quan Thi hành án.

Trưởng phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương là chấp hành viên trưởng, đồng thời là thủ trưởng cơ quan Thi hành án.

Đội trưởng Đội Thi hành án quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là chấp hành viên trưởng, đồng thời là thủ trưởng cơ quan Thi hành án.

Điều 8. - Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Giúp Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện việc quản lý công tác thi hành án dân sự trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

2. Quản lý nghiệp vụ công tác thi hành án của Đội thi hành án thuộc phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành án cho chấp hành viên và cán bộ làm công tác thi hành án; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án theo quy định tại Điều 44 của Pháp lệnh thi hành án dân sự; tổng kết thực tiễn thi hành án, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác Thi hành án;

3. Trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định của toà án theo quy định của Pháp lệnh thi hành dân sự;

Phòng thi hành án thuộc Sở tư pháp có chấp hành viên trưởng, các chấp hành viên và cán bộ làm công tác thi hành án.

Điều 9. - Phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức thi hành các quyết định về tài sản trong các bản án hình sự của toà án quân sự theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự;

2. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác thi hành án.

Phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương có chấp hành viên trưởng, các chấp hành viên và cán bộ làm công tác thi hành án.

Điều 10. - Đội thi hành án thuộc Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định của toà án theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự;
2. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác thi hành án dân sự.

Đội Thi hành án thuộc Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có chấp hành viên trưởng, các chấp hành viên và cán bộ làm công tác thi hành án.

Điều 11. - Khiếu nại hành vi trái pháp luật của chấp hành viên thi hành án trong quân đội do Trưởng phòng thi hành án quân khu và cấp tương đương giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu đương sự còn khiếu nại quyết định của Trưởng phòng Thi hành án Quân khu và cấp tương đương, thì trưởng Phòng quản lý thi hành án thuộc Bộ quốc phòng giải quyết và trả lời cho đương sự trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của trưởng phòng quản lý thi hành án thuộc Bộ quốc phòng có hiệu lực thi hành.

Khiếu nại hành vi trái pháp luật của Trưởng phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương do Trưởng phòng Quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu đương sự còn khiếu nại quyết định của trưởng phòng Quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, thì Bộ trưởng bộ Quốc phòng giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành.

Điều 12. - Tổng biên chế, kinh phí của các cơ quan thi hành án dân sự do Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban tổ chức - Cán bộ Chính phủ. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định và phân bổ biên chế, kinh phí cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

Tổ chức, biên chế, kinh phí, trụ sở làm việc, phương tiện hoạt động của các Phòng thi hành án quân khu và cấp tương đương do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định